

CHIA SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ (2 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Nhận biết cơ sở lí luận của biện pháp tính qua mô hình trực quan.
- Thực hiện được phép chia số có hai chữ số cho số có một chữ số (hai lượt chia).
- Thực hiện tính nhẩm:
 - Nhân, chia số tròn chục cho số có một chữ số.
 - Chia số có hai chữ số cho số có một chữ số (mỗi lượt chia đều là phép chia hết).
- Thực hiện việc tìm thành phần chưa biết trong phép chia.
- Tính và so sánh các số đo độ dài với 1 m.
- Bước đầu làm quen với việc thử kết quả trong phép chia.

2. Năng lực chủ trọng: tư duy và lập luận toán học; giao tiếp toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội.

Phẩm chất: trách nhiệm, chăm chỉ.

B. Thiết bị dạy học

GV: ĐDDH cho phần bài học.

HS: ĐDHT cho phần bài học.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞI ĐỘNG

GV: Chia đều 36 hình mặt cười cho 3 bạn thì làm thế nào?

HS: Chia lần lượt mỗi bạn 1 hình, chia tiếp mỗi bạn 1 hình nữa, ...

GV: Cách làm này cần có đồ vật để chia và tốn thời gian. Hãy tìm cách chia đơn giản hơn.

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Chia số có hai chữ số cho số có một chữ số

36 : 3 = ?

- HS (nhóm bốn) **nhận biết** nhiệm vụ rồi thảo luận.
- Dùng ĐDHT **thể hiện** số 36 (3 thanh chục và 6 khối lập phương lẻ) rồi **thực hiện**.
 - 3 chục : 3 = 1 chục
 - 6 đơn vị : 3 = 2 đơn vị
- 1 chục và 2 đơn vị làm thành số 12
- $36 : 3 = 12$
- Một vài nhóm **trình bày**.
- GV tổng kết rồi hướng dẫn HS đặt tính rồi tính (GV viết và nói, HS làm theo trên bảng con).

- GV hướng dẫn HS thử lại: $12 \times 3 = 36$.

94 : 4 = ?

- HS quan sát hình ảnh trực quan trong SGK, **giải thích** từng bước thể hiện:

- Hình ảnh thứ nhất:



Thể hiện số 94

- Hình ảnh thứ hai:



9 chục : 4 = 2 chục (dư 1 chục)

- Hình ảnh thứ ba:



1 chục (dư) và 4 đơn vị làm thành số 14

$14 : 4 = 3$ (dư 2)

- GV hướng dẫn, HS đặt tính rồi tính (bảng con).

- GV hướng dẫn HS thử lại: $23 \times 4 + 2 = 94$.

2. Thực hành

Bài 1:

- HS **thực hiện** cá nhân trên bảng con.
- Sửa bài, HS **nói** các thao tác tính, khuyến khích các em thử lại.

LUYỆN TẬP

Bài 1:

- HS **thực hiện** cá nhân, coi chục là đơn vị đếm.

Ví dụ:

- $80 : 4 = ?$

8 chục chia 4 bằng 2 chục.

$80 : 4 = 20$.

- $60 \times 5 = ?$

6 chục nhân 5 bằng 30 chục tức là 3 trăm.

$60 \times 5 = 300$.

- HS **chia sẻ** nhóm đôi.

- Sửa bài, khuyến khích các em **trình bày** cách làm.

Bài 2:

- HS **tim hiểu** bài, nhận biết yêu cầu: Tìm thương, Tìm số bị chia, Tìm số chia.

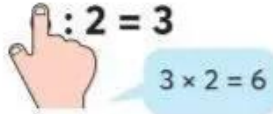
- HS **thực hiện**.

Câu a): HS đặt tính rồi tính.

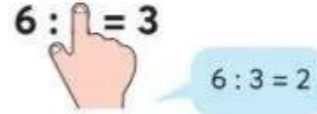
Câu b), c): Nếu HS quên hoặc lẫn lộn các quy tắc, GV hướng dẫn bằng một phép chia đơn giản.

Chẳng hạn: $6 : 2 = 3$.

HS dùng ngón trỏ **che** một số rồi **đọc** phép tính tìm số đó:


$$2 = 3$$

$3 \times 2 = 6$


$$6 : 3 = 2$$

Trình bày bài:

b) $51 : 3 = 17$

c) $56 : 14 = 4$

– Sửa bài, GV nhắc lại các quy tắc tìm số bị chia, tìm số chia.

Bài 3:

– HS **tìm hiểu** bài và thực hiện.

– Sửa bài, HS **trình bày** cách làm.

Xếp đều tức là chia đều.

Thực hiện phép chia trên bảng con (đặt tính, tính), kết quả là $28 : 2 = 14$.

Bài 4:

– HS nhóm bốn tìm **hiểu bài**, **nhận biết** những việc cần làm:

- Phải **tìm** độ dài băng giấy lúc đầu.
- **So sánh** độ dài băng giấy lúc đầu với 1 m.
- **Chọn** từ thích hợp thay vào dấu hỏi.

– HS **thực hiện** nhóm đôi rồi **chia sẻ** trong nhóm bốn.

$$24 \text{ cm} \times 4 = 96 \text{ cm}$$

$$1 \text{ m} = 100 \text{ cm}, 96 \text{ cm} < 100 \text{ cm}$$

Băng giấy lúc đầu ngắn hơn 1 m.

– Sửa bài, HS nêu từ mà nhóm chọn (dài hơn, ngắn hơn hay dài bằng) rồi **trình bày** cách làm.

– HS **nhắc lại** mối quan hệ giữa các đơn vị mét và đề-xi-mét, xăng-ti-mét.

Khám phá

Bài này lưu ý HS đối với phép chia có dư:

– Số dư luôn bé hơn số chia.

– Số bị chia = Thương \times Số chia + Số dư.

Đặt nước em

HS **đọc** và **chia sẻ** những hiểu biết về buổi da xanh (hình dạng, khối lượng, màu sắc, mùi vị, công dụng, ...).

CÙNG CỐ

Đặt tính rồi **tính**: $86 : 3$ (bảng con) rồi trình bày các thao tác tính.

EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ? (2 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

– Thực hiện nhân (chia) số có hai chữ số với (cho) số có một chữ số. Nhân, chia nhầm các số tròn chục, tròn trăm.

Vận dụng vào giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến dung tích, tính giá trị của biểu thức.

– Nhận biết phân số thông qua hình ảnh trực quan.

Xác định được giá trị phân số của một nhóm đồ vật qua hình ảnh trực quan.

2. Năng lực chủ trọng: tư duy và lập luận toán học; giao tiếp toán học; giải quyết vấn đề toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội.

Phẩm chất: trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm.

B. Thiết bị dạy học

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞ ĐỘNG

Múa hát tập thể tạo không khí lớp học vui tươi.

LUYỆN TẬP

Bài 1:

– HS đọc yêu cầu và **thực hiện**.

– Sửa bài, HS **nói** cách nhầm.

Chẳng hạn: 2 trăm \times 4 = 8 trăm

$$200 \times 4 = 800$$

Bài 2:

– HS **tim hiểu** bài và **thực hiện** cá nhân rồi **chia sẻ** nhóm đôi.

Trình bày: a) $96 : 3 - 8 = 32 - 8$

$$= 24$$

b) $800 + 50 \times 4 = 800 + 200$

$$= 1000$$

– Sửa bài, HS **nói** thứ tự thực hiện phép tính trong biểu thức.

Bài 3:

– HS **tim hiểu** bài và **thực hiện** cá nhân.

– Sửa bài, GV nhắc lại một số điều cần lưu ý.

a) C (Bất cứ số nào nhân với 0 cũng bằng 0).

b) B (Số dư có thể là 1, 2, do đó số dư lớn nhất là 2).

c) B (Cái bánh được chia thành ba phần bằng nhau, ăn một phần nên chọn $\frac{1}{3}$).